

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Phương – Phó Bí thư huyện Đoàn huyện Tiên Du.

2. Bà Nguyễn Thị Ngoan

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Anh Thơ - Thư ký TAND huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, có mặt

Địa chỉ: xóm 4, thôn Đ, xã Tr, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Như Th, sinh năm 1980, vắng mặt

Địa chỉ: xóm 2, thôn Đ, xã Tr, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Th trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung, ăn chung với bố mẹ chồng tại xóm 2, thôn Đ, xã Tr, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống, cuộc sống của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th không chịu khó làm ăn, lại hay chơi bời, cờ bạc, rượu chè sau đó về đánh đập vợ con. Nhưng vì nghĩ cho các

con nên chị T vẫn tiếp tục duy trì hôn nhân với anh Th. Tuy nhiên, thời gian gần đây, anh Th hay đi chơi đêm về, mắng chửi vợ con không cho ngủ, góp ý thì anh Th đánh đập. Chị T xác định không thể tiếp tục sống chung với anh Th được nữa nên cuối tháng 9/2017 chị đã về nhà mẹ đẻ ở xóm 4, thôn Đ, xã Tr sinh sống và vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: có 3 con chung là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh ngày 14/02/2006 và Nguyễn Trung Duy A, sinh ngày 30/7/2013. Hiện nay, cháu N và cháu Tr đang ở với anh Th, cháu Duy A đang ở với chị T. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cháu Duy A, còn giao hai cháu N và Tr cho anh Th nuôi dưỡng theo đúng nguyện vọng của hai cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Như Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Th đồng ý với chị T về thời gian kết hôn. Nhưng còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T nghe người ngoài nói về chuyện anh Th có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên đã có những lời nói xúc phạm danh dự của anh Th. Dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị T xin ly hôn. Anh Th đồng ý ly hôn với chị T vì xác định vợ chồng không còn tình cảm.

- Về con chung: vợ chồng có 3 con chung như chị T trình bày. Sau khi ly hôn, anh Th có nguyện vọng nuôi hai cháu là N và Tr và đồng ý giao cháu Duy A cho chị T nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: ban đầu anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng sau đó tại biên bản ghi lời khai ngày 17/01/2018 anh Th yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng. Tổng số tiền tài sản chung và công nợ chung yêu cầu giải quyết là 53 triệu đồng.

Tại phiên tòa ngày 05/3/2018, do chị T có đơn xin hoãn phiên tòa và anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vụ án vào ngày 04/4/2018.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt, còn anh Th tiếp tục vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ theo điều 227 BLTTHS xét xử vắng mặt anh.

Về quan hệ hôn nhân: chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: chị đề nghị được nuôi con là cháu Duy A và đồng ý giao cháu N và Tr cho anh Th nuôi dưỡng. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào các ý kiến của anh Th tại các biên bản ghi lời khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành và tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Như Th; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh ngày 14/02/2006 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng; và giao cháu Nguyễn Trung Duy A, sinh ngày 30/7/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Toà án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử vào hồi 7 giờ 30' ngày 05/3/2018, Toà án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa cho các đương sự nhưng nguyên đơn là chị T có đơn xin hoãn phiên tòa, bị đơn là anh Th vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quyết định số 24/2018/QĐ-HPT ngày 05/3/2018. Phiên tòa được mở lại vào hồi 7 giờ 30' ngày 04/4/2018, các đương sự đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa; Nguyên đơn là chị T có mặt tại phiên tòa, bị đơn là anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử vắng mặt anh Th.

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Như Th có địa chỉ: thôn Đ, xã Tr, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*

- Về quan hệ hôn nhân: ngày 30/11/2001 chị T và anh Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tri Phương và tuân thủ đầy đủ quy định về kết hôn nên được xác định là hôn

nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 9/2017 đến nay và chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm. Vợ chồng không có biện pháp đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn với anh Th và anh Th đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống chung giữa họ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, anh Th vắng mặt tại phiên tòa nên không công nhận sự thuận tình ly hôn của họ được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh ngày 14/02/2006 và Nguyễn Trung Duy A, sinh ngày 30/7/2013. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cháu Duy A, còn giao hai cháu N và Tr cho anh Th nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/11/2017 và Biên bản hòa giải ngày 21/11/2017 anh Th có nguyện vọng nuôi hai cháu N và Tr và đồng ý giao cháu Duy Anh cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị T và anh Th phù hợp với nguyện vọng của hai cháu N và Tr đã trình bày ngày 06/11/2017 tại Tòa án và tránh mọi sự sáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị T và anh Th. Giao hai cháu N và Tr cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Duy A cho chị T nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: phía chị T không có yêu cầu. Ngày 17/01/2018 anh Th đưa ra yêu cầu về chia tài sản chung và công nợ chung. Xét thấy yêu cầu này anh Th đưa ra sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/11/2017. Đồng thời trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đưa ra yêu cầu, tòa án đã thông báo cho anh Th phải có nghĩa vụ giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên hết thời hạn trên anh Th không cung cấp được. Do vậy, yêu cầu về chia tài sản chung và công nợ của anh Th không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] *Về án phí*: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Như Th

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh ngày 14/02/2006 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Trung Duy A, sinh ngày 30/7/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ: không xem xét giải quyết trong vụ án này

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/ 0000137 ngày 03/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

ời nhận:

- VKSND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- UBND xã Tri Phương;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Bình